

Bản án số: 143/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 29 - 7 - 2020  
V/v: Ly hôn, chia tài sản chung khi  
ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Tuyết Trinh

Bà Trịnh Thị Trúc Linh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Thảo N – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lượng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019, về việc “Ly hôn và chia tài sản chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. N đơn:** Anh Trần Phát T, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Khu vực X, phường TL, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Có mặt

**2. Bị đơn:** Chị Trần Thị Th, sinh năm: 1987.

ĐKKH: Khu vực X, phường TL, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Có mặt

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Lê Thị T, sinh năm: 1951 (đã chết ngày 08/5/2020)

Địa chỉ: Ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bà Hứa Thị Hoàng Tú A (tên gọi khác: Hứa Thị Thu H), sinh năm 1978. Có mặt

Bà Nguyễn Lệ H. Vắng mặt

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1975. Có mặt

Cùng địa chỉ: Khu vực X, phường TL, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Phạm Thị Ngọc Đ, sinh năm: 1967. Vắng mặt

Địa chỉ: Khu vực K, phường TL, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Nguyễn Hoàng N. Vắng mặt

Địa chỉ: Khu vực X, phường T, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn Trần Phát T trình bày: Vào năm 2014 anh Trần Phát T và chị Trần Thị Th có tổ chức lễ cưới, nhưng đến ngày 06/11/2017 vợ chồng anh chị mới đăng ký kết hôn tại UBND Phường TL, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, hôn nhân do vợ chồng anh chị cùng tự nguyện.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị Th.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Phát T (giới tính: nam) sinh ngày 24/7/2016. Hiện cháu T đang sống chung với chị Th. Nay vợ chồng ly hôn anh T yêu cầu được nuôi dưỡng nuôi con và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Về T sản chung: Anh T và chị Th có các tài sản chung như sau:

- Phần đất mua của ông Nguyễn Văn H số tiền 390.000.000 đồng chưa sang tên và 01 căn nh cấp 4 trên đất có diện tích 180 m<sup>2</sup> tự xây dựng. Anh T yêu cầu chia theo tỷ lệ 6/4 lý do anh T bỏ công xây dựng nhiều hơn.

- 01 bộ dây chuyền làm bánh mì gồm có: Lò nướng, 174 cái vỉ nướng, 03 cái khung nướng, 01 cối nh bột, 05 cái tủ ủ bánh mì lớn, 03 cái tủ ủ bánh mì nhỏ, 01 máy chia bột, 01 máy phát điện hiệu Viko Diesel VKD 110. Những vật dụng này anh T đã mua sắm trước khi cưới chị Th nên anh T yêu cầu chia theo tỷ lệ 80% cho anh T và chị Th 20%.

- 01 tủ lạnh hiệu Elextrlux; 01 bàn học; 01 cái ly quăng; 01 cái giường ngủ; 01 cái tủ hộp; 01 cái bàn dài và 01 xe honda Wave biển số 95B1-441.91 do anh T đứng tên, phần này vợ chồng mua chung nên anh T yêu cầu chia đôi.

- 01 xe honda Airblade biển số 95D1-192.47 do anh T đứng tên, phần này anh T mua với giá 41.000.000 đồng, nhưng anh T trả góp được 28.000.000 đồng, phần tiền còn lại vợ chồng trả góp nên anh T yêu cầu chia theo tỷ lệ 80% cho anh T và chị Th 20%.

Về nợ chung: Nợ tiền hụi và tiền vay của bà Hứa Thị Hoàng Tú A (bà H) số tiền 23.500.000 đồng. Sau khi chị Th đi thì anh T có tự trả cho bà H 8.500.000 đồng còn lại 15.000.000 đồng; Nợ bà Nguyễn Lệ H số tiền 10.000.000 đồng, Nợ Phạm Thị Ngọc Đ 12.000.000 đồng, Nợ ông Nguyễn Hoàng N 35.000.000 đồng, Nợ ông Nguyễn Văn H 130.000.000 đồng; Nợ bà Lê Thị T 45.000.000 đồng. Yêu cầu vợ chồng cùng có trách nhiệm trả số tiền trên.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Thị Th trình bày: Chị Th thống nhất lời trình bày của anh T về hôn nhân, con chung là đúng. Nay anh T khởi kiện yêu cầu ly hôn thì chị Th cùng đồng ý; Về con chung chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Trần Phát T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung:

- 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 180m<sup>2</sup> do vợ chồng xây dựng; 01 bộ dây chuyền làm bánh mỳ; 01 tủ lạnh hiệu Elextrlux; 01 bàn học; 01 cái ly quăng; 01 cái giường ngủ; 01 cái tủ hộp; 01 cái bàn dài; 01 chiếc xe Airblade biển số 95D1 – 192.47 do anh T đứng tên. Phần tài sản này chị Th yêu cầu chia đôi theo quy định.

- Đối với phần đất mua của ông Nguyễn Văn H số tiền 390.000.000 đồng chưa sang tên là T sản riêng của chị Th do mẹ ruột chị Th cho mượn tiền trả 260.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa trả. Phần đất này chị Th yêu cầu Tòa án công nhận cho chị Th không đồng ý phân chia.

- 01 chiếc xe Wave biển số 95B1-441.91 do chị Th chưa nhập hộ khẩu nên để anh T đứng tên, nay chị Th yêu cầu được sở hữu chiếc xe này.

Về nợ chung: Chị Th thừa nhận có nợ ông Nguyễn Hoàng N 35.000.000 đồng; Nợ bà Tú A đã trả còn lại 15.000.000 đồng, Nợ bà Đ 12.000.000 đồng; nợ mẹ ruột Lê Thị T 45.000.000 đồng, nợ bà H 10.000.000 đồng. Phần này chị Th và anh T có trách nhiệm trả chung.

Đối với phần tiền 130.000.000 đồng tiền mua đất của ông H là nợ riêng giữa chị Th với ông H, khi nào ông H làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong thì chị Th giao phần tiền còn lại.

Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T trình bày: Trước đây bà T có cho vợ chồng Th mượn 45.000.000 đồng để cất nhà. Nay T và Th ly hôn thì bà T có yêu cầu độc lập yêu cầu vợ chồng có trách nhiệm trả số tiền trên cho bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H trình bày: Trước đây khi anh T và chị Th sống chung với nhau có con chung thì chị Th và bà T có qua nH ông H hỏi sang phần đất chiều ngang 06m, chiều dài 30m để cất nH ở với giá 390.000.000 đồng. Sau khi hai bên thỏa thuận xong thì ông H cũng đã giao đất xong và chị Th đã giao tiền cho ông H 05 lần tổng cộng 260.000.000 đồng (04 lần đầu giao tiền thì Th và bà T giao tiền trực tiếp cho ông H, lần thứ 5 giao tiền ngày 10/3/2018 thì T và Th giao tiền cho ông H), khi hai bên làm giấy tay sang đất thì chỉ có ông H và chị Th ký tên còn T không ký. Do khi đó anh T và chị Th sống chung nên ông H có thỏa thuận khi nào giao đủ số tiền còn lại thì ông H mới hoàn tất thủ tục sang tên giấy tờ đất. Đối với số tiền ông H đã nhận thì ông H không biết đây là tiền riêng của chị Th hay là tiền chung của vợ chồng. Nay nếu Tòa án xác định cho ai phần đất đó thì ông H cũng thống nhất sang tên cho người đó với điều kiện trả đủ tiền sang đất còn nợ 130.000.000 đồng.

Tại biên bản ghi lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Lê H trình bày: Trước đây bà H có cho vợ chồng anh T vay 20.000.000 đồng, khi vay có làm giấy, sau khi vay xong thì anh T có trả cho bà H 10.000.000 đồng còn lại 10.000.000 đồng chưa trả. Nay anh T và chị Th yêu cầu ly hôn thì đối với phần tiền còn nợ bà H chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu có tranh chấp thì bà H sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Ngọc Đ trình bày: Vợ chồng anh T và chị Th có tham gia chơi hụi do bà Đ làm chủ, sau khi chốt lại tiền hụi thì vợ chồng anh T còn nợ 12.000.000 đồng. Nay anh T và chị Th yêu cầu ly hôn thì đối với phần tiền còn nợ bà Đ chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu có tranh chấp thì bà Đ sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hứa Thị Hoàng Tú A trình bày: Năm 2018 anh T và chị Th có nợ tiền hụi và tiền vay của bà số tiền 23.500.000 đồng, sau đó anh T có trả được 8.500.000 đồng, còn nợ lại 15.000.000 đồng. Nay anh T và chị Th ly hôn thì bà Tú A có yêu cầu độc lập yêu cầu anh T và chị Th trả số tiền còn nợ 15.000.000 đồng.

Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoàng N trình bày: Năm 2019 không nhớ cụ thể ngày tháng, vợ chồng anh T có vay của ông N số tiền 35.000.000 đồng, số tiền này cuối năm 2019 anh T cũng đã trả xong cho ông N, vì vậy nay ông N không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi tòa án thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48, 198 Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, gửi quyết định xét xử cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo thủ tục quy định về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị Th; Về con chung: Chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Phát T; Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản chung giữa anh T và chị Th; Về nợ chung: Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hứa Thị Hoàng Tú A, Lê Thị T; Dành quyền khởi kiện cho bà Tú A và Hng thừa kế của bà T đối với anh T và chị Th khi có yêu cầu. Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các T liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn và chia T sản chung khi ly hôn theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Lệ H, Phan Thị Ngọc Đ, Nguyễn Hoàng N có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên.

[2.2] Ngày 28/7/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hứa Thị Hoàng Thị Tú A có đơn yêu cầu rút yêu cầu độc lập, căn cứ vào Điều 217 Bộ luật tố tụng

dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của bà Hứa Thị Hoàng Thị Tú A đối với anh T và chị Th. Dành quyền khởi kiện cho bà Tú A đối với anh T và chị Th về phần tiền vay 15.000.000 đồng khi có yêu cầu.

[2.3] Trong quá trình vụ án được đưa ra xét xử thì ngày 09/6/2020 Tòa án có nhận được giấy chứng tử của bà Lê Thị T chết ngày 08/5/2020 do chị Th cung cấp qua đường bưu điện. Ngày 16/6/2020 Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ có thông báo số 08/TB-TA về việc yêu cầu chị Trần Thị Th là con ruột đang ở chung với bà T và cũng là bị đơn trong vụ án cung cấp hàng thừa kế theo quy định pháp luật của bà T theo Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 để kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của bà T trong vụ án. Tuy nhiên, hết thời hạn theo thông báo nhưng chị Th không cung cấp được thông tin hàng thừa kế của bà T. Vì vậy Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Lê Thị T. Dành quyền khởi kiện cho hàng thừa kế theo quy định pháp luật của bà T đối với anh T và chị Th về phần tiền còn nợ 45.000.000 đồng khi có yêu cầu.

### [3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2014 anh T và chị Th tổ chức lễ cưới đến ngày 06/11/2017 vợ chồng anh chị mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TL, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2019 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên anh T và chị Th ly thân cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy thời gian ly thân kéo dài nhưng vợ chồng anh chị không thể hàn gắn được. Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh Trần Phát T vẫn giữ N yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và được chị Trần Thị Th đồng ý. Vì vậy, căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Phát T và chị Trần Thị Th.

[3.2] Về con chung: Anh T và chị Th có 01 con chung tên Trần Phát T (giới tính: nam) sinh ngày 24/7/2016. Hiện cháu T đang sống chung với chị Th. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T yêu cầu được nuôi con, chị Th không đồng ý. Tại phiên tòa anh T và chị Th cùng thống nhất thỏa thuận để chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T. Xét thấy cháu T từ khi sinh ra cho đến nay sống chung với chị Th, vì vậy để đảm bảo không làm xáo trộn cuộc sống và ảnh hưởng tâm sinh lý của trẻ nhỏ, căn cứ vào Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất cho chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và dạy dỗ con chung cho anh T mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị Th chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên chưa xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn Trần Phát T và bị đơn Trần Thị Th cùng thống nhất tài sản chung của vợ chồng theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/8/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ và kết quả định giá tài sản của Công ty cổ phần thẩm định giá Thống Nhất để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Xét thấy trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa thì anh T và chị Th cùng tự nguyện thỏa thuận phân chia T sản của vợ chồng anh chị và yêu cầu Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận phân chia T sản, cụ thể như sau:

- Chị Trần Thị Th được sở hữu:

+ 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát biển số 95B1 -441.91, hiện chị Th đang quản lý (xe do anh Trần Phát T đứng tên).

+ Số tiền 230.000.000 đồng, anh T có trách nhiệm giao lại cho chị Th vào ngày 29/8/2020.

- Anh Trần Phát T được sở hữu:

+ 01 xe mô tô biển kiểm soát 95D1-192.47 do anh T đang quản lý, sử dụng

+ 01 bộ dây chuyền làm bánh mì gồm có: Lò nướng, 174 cái vỉ nướng, 03 cái khung nướng, 01 cối nHo bột, 05 cái tủ ủ bánh mì lớn, 03 cái tủ ủ bánh mì nhỏ, 01 máy chia bột, 01 máy phát điện hiệu Viko Diesel VKD 110.

+ 01 tủ lạnh hiệu Elextrlux; 01 bàn học; 01 cái ly quăng; 01 cái giường ngủ; 01 cái tủ hộp; 01 cái bàn dài.

+ 01 căn nhà cấp 4, kết cấu khung cột bê tông cốt thép, vách xây tường, mái tol, nền gạch men, trần prima (căn nhà tọa lạc trên phần đất nhận chuyển nhượng của ông H).

+ Anh T có quyền liên hệ với ông Nguyễn Văn H để làm thủ tục sang tên phần đất đã nhận chuyển nhượng của ông H, phần đất tọa lạc tại khu vực Long An 1, phường Trà Lồng, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (nay là khu vực X, phường TL, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang).

Toàn bộ phần tài sản trên hiện nay anh Trần Phát T đang quản lý, sử dụng.

( Hiện trạng tài sản theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/8/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ).

Xét sự tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản chung của anh Trần Phát T và chị Trần Thị Th là tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên căn cứ vào

Điều 35, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 213, Điều 218 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.4] Về nợ chung:

Bà Nguyễn Lệ H và bà Phan Thị Ngọc Đ chưa yêu cầu anh T và chị Th trả số tiền còn nợ nên chưa xem xét.

Đối với số tiền của ông Nguyễn Hoàng N, anh T đã trả xong, ông N không yêu cầu tòa án giải quyết. Tại phiên tòa anh T và chị Th cùng thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tiền này nên không xem xét.

Đối với phần tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất còn nợ 130.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn H chưa yêu cầu anh T trả nên chưa xem xét.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Thị T. Dành quyền khởi kiện cho hàng thừa kế theo quy định pháp luật của bà Lê Thị T đối với anh T và chị Th khi có yêu cầu.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của Hứa Thị Hoàng Tú A đối với anh T và chị Th về phần tiền còn nợ 15.000.000 đồng. Dành quyền khởi kiện cho bà Tú A đối với anh T và chị Th khi có yêu cầu.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Trần Phát T phải chịu theo quy định pháp luật.

[4.2] Án phí chia tài sản chung: Do các đương sự tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trước khi mở phiên tòa nên căn cứ điểm đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì phải chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia;

Chị Th được nhận giá trị T sản là  $239.000.000 \text{ đồng} \times 2,5\% = 5.975.000 \text{ đồng}$

Anh T được nhận giá trị T sản 406.417.465 đồng tương đương với mức án phí 10.128.349 đồng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chia T sản đã nộp, anh T được nhận lại 1.371.651 đồng.

[4.3] Chi phí xem xét thẩm định và định giá: Nguyên đơn tự nguyện nộp (đã nộp xong).

[5] Xét đề nghị của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 55, Điều 59, Điều 81, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 213, Điều 218 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Phát T và chị Trần Thị Th.

[2] Về con chung: Chị Trần Thị Th được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Phát T (giới tính: nam) sinh ngày 24/7/2016. Chị Th chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên chưa xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và dạy dỗ con chung cho anh T không ai được quyền cản trở.

[3] Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản chung giữa anh Trần Phát T và chị Trần Thị Th, cụ thể như sau:

- Chị Trần Thị Th được sở hữu:

+ 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát biển số 95B1 -441.91, hiện chị Th đang quản lý (xe do anh Trần Phát T đứng tên).

+ Số tiền 230.000.000 đồng, anh T có trách nhiệm giao lại cho chị Th vào ngày 29/8/2020.

- Anh Trần Phát T được sở hữu:

+ 01 xe mô tô biển kiểm soát 95D1-192.47 do anh T đang quản lý, sử dụng

+ 01 căn nhà cấp 4; 01 tủ lạnh, 01 bàn học; 01 cái ly quăng, 01 giường ngủ, 01 tủ hộp, 01 bàn dài và dây chuyền làm bánh mỳ (hiện anh T đang quản lý sử dụng).

+ Anh T có quyền liên hệ với ông Nguyễn Văn H để làm thủ tục sang tên phần đất đã nhận chuyển nhượng của ông H, phần đất tọa lạc tại khu vực Long An 1, phường Trà Lồng, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, phần đất hiện nay do anh T đang quản lý sử dụng.

[4] Về nợ chung:

[4.1] Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Hứa Thị Hoàng Tú A đối với anh T và chị Th về phần tiền còn nợ 15.000.000 đồng. Dành quyền khởi kiện cho bà Tú A đối với anh T và chị Th khi có yêu cầu.

[4.2] Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Lê Thị T đối với anh T và chị Th về phần tiền còn nợ 45.000.000 đồng. Dành quyền khởi kiện cho hàng thừa kế theo quy định pháp luật của bà T đối với anh T và chị Th khi có yêu cầu.

[4.3] Bà Nguyễn Lệ H, Phan Thị Ngọc Đ chưa yêu cầu anh T và chị Th trả số tiền còn nợ nên chưa xem xét.

[4.4] Đối với phần tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất còn nợ 130.000.000 đồng, ông H chưa yêu cầu anh T trả nên chưa xem xét.

#### [5] Về án phí:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hứa Thị Hoàng Tú A (Hứa Thị Thu H) được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 375.000 đồng theo lai thu số 0000574 ngày 13/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Chị Trần Thị Th được nhận lại 1.125.000 tiền tạm ứng án phí mà bà Lê Thị T đã nộp theo lai thu số 0021358 ngày 01/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[5.2] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh T tự nguyện nộp 150.000 đồng được chuyển từ tạm ứng án phí sang án phí theo lai thu số 0021277 pH lập ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Số tiền còn lại 150.000 đồng anh T được nhận lại.

[5.3] Án phí chia tài sản chung: Anh T phải chịu 10.128.349 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 11.500.000 theo lai thu số 0021281 ngày 13/6/2019, phần tiền tạm ứng án phí còn lại 1.371.651 đồng anh T được nhận lại tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Chị Trần Thị Th phải nộp 5.975.000 đồng (Năm triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)

Chi phí xem xét thẩm định và định giá: Nguyên đơn Trần Phát T tự nguyện nộp (đã nộp xong).

[6] *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

[7] Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn H, Hứa Thị Hoàng Tú A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/7/2020). Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Lệ H, Phan Thị Ngọc Đ, Nguyễn Hoàng N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã, phường nơi người liên quan đang cư trú.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS TX Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Đào Thị Thủy**